|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  (Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Bài kiểm tra môn: SINH HỌC Khối 12 - KHTN**  **Thời gian làm bài: 45 phút** | |
| Họ, tên học sinh:……………………………………………………………….  **MÃ ĐỀ: 498** | |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. | |

**Câu 1.** Theo quan niệm thuyết tiến hoá hiện đại, một gen đột biến lặn có hại sẽ:

**A.** Bị chọn lọc tự nhiên đào thải nhanh hơn so với đột biến gen trội có hại.

**B.** Không bị chọn lọc tự nhiên đào thải hòan toàn khỏi quần thể.

**C.** Không bị chọn lọc tự nhiên đào thải,

**D.** Bị chọn lọc tự nhiên đào thải khỏi quần thể ngay sau một thế hệ.

**Câu 2.** Điều nào sau đây là đúng với tiến hóa nhỏ:

**A.** Không thể nghiên cứu bằng thực nghiệm.

**B.** Diễn ra trên qui mô rộng lớn, qua thời gian địa chất dài.

**C.** Quá trình hình thành các nhóm phân loại trên loài.

**D.** Hình thành loài mới.

**Câu 3.** Tại sao trên các đảo và quần đảo đại dương hay tồn tại những loài đặc trưng **không** có ở nơi nào khác trên trái đất?

**A.** Do cách li sinh sản giữa các quần thể trên từng đảo nên mỗi đảo hình thành loài đặc trưng.

**B.** Do cách li địa lí và chọn lọc tự nhiên diễn ra trong môi trường đặc trưng của đảo qua thời gian dài.

**C.** Do các loài này có nguồn gốc từ trên đảo và không có điều kiện phát tán đi nơi khác.

**D.** Do trong cùng điều kiện tự nhiên,chọn lọc tự nhiên diễn ra theo hướng tương tự nhau.

**Câu 4.** Dấu hiệu chủ yếu để kết luận 2 cá thể chắc chắn thuộc 2 loài sinh học khác nhau là

**A.** Chúng có hình thái khác nhau. **B.** Chúng cách li sinh sản với nhau.

**C.** Chúng sinh ra con bất thụ. **D.** Chúng không cùng môi trường.

**Câu 5.** Phát biểu nào dưới đây là đúng?

**A.** Giai đoạn tiến hóa tiền sinh học là giai đoạn tiến hóa từ các chất vô cơ đơn giản hình thành nên các hợp chất hữu cơ đơn giản rồi đến các chất hữu cơ phức tạp.

**B.** Giai đoạn tiến hóa hóa học và giai đoạn tiến hóa tiền sinh học được tính từ khi bắt đầu hình thành những hợp chất hữu cơ đơn giản đến toàn bộ sinh giới như ngày nay.

**C.** Giai đoạn tiến hóa sinh học là giai đoạn tính từ khi xuất hiện những dạng sống đầu tiên trên Trái Đất đến toàn bộ sinh giới đa dạng, phong phú như ngày nay.

**D.** Giai đoạn tiến hóa tiền sinh học là giai đoạn tính từ những hợp chất hữu cơ đơn giản đến các sinh vật đầu tiên.

**Câu 6.** Theo quan niệm của Đacuyn , đối tượng của chọn lọc tự nhiên là

**A.** Quần thể. **B.** Quần xã. **C.** Loài. **D.** Cá thể.

**Câu 7.** Theo quan niệm hiện nay nhân tố quy định chiều hướng tiến hoá của sinh giới là:

**A.** Đột biến và tích luỹ đột biến. **B.** Chọn lọc nhân tạo và tốc độ sinh sản.

**C.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Chọn lọc tự nhiên.

**Câu 8.** Quần đảo là nơi lí tưởng cho quá trình hình thành loài mới vì

**A.** Chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố ngẫu nhiên.

**B.** Giữa các đảo có sự cách li địa lí tương đối và khoảng cách giữa các đảo lại không quá lớn.

**C.** Các đảo cách xa nhau nên các sinh vật giữa các đảo không trao đổi vốn gen cho nhau.

**D.** Rất dễ xảy ra hiện tương di nhập gen.

**Câu 9.** Trong quá trình hình thành đặc điểm thích nghi, nhân tố đóng vai trò sàng lọc và giữ lại kiểu gen thích nghi là

**A.** Giao phối. **B.** Cách li. **C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Đột biến.

**Câu 10.** Trong quá trình hình thành loài mới, các cơ chế cách li có vai trò:

**A.** Duy trì sự toàn vẹn của loài.  **B.** Sàng lọc kiểu gen có kiểu hình thích nghi.

**C.** Làm phân hóa vốn gen của các quần thể. **D.** Tạo ra kiểu gen thích nghi.

**Câu 11.** Ở sinh vật lưỡng bội, các alen trội bị tác động của chọn lọc tự nhiên nhanh hơn các alen lặn vì:

**A.** Các alen lặn có tần số đáng kể.

**B.** Các gen lặn ít ở trạng thái dị hợp.

**C.** Alen trội dù ở trạng thái đồng hợp hay dị hợp đều biểu hiện ra kiểu hình.

**D.** Alen trội phổ biến ở thể đồng hợp.

**Câu 12.** Quá trình hình thành quần thể thích nghi diễn ra nhanh hay chậm **không** phụ thuộc vào các yếu tố nào dưới đây?

**A.** Quá trình phát sinh và tích luỹ các gen đột biến ở mỗi loài. **B.** Tốc độ sinh sản của loài.

**C.** Áp lực của CLTN. **D.** Nguồn dinh dưỡng ở khu phân bố của quần thể.

**Câu 13.** Vượn người ngày nay bao gồm những dạng nào?

**A.** Vượn, Gôrila, khỉ đột, Tinh tinh. **B.** Vượn, đười ươi, Gôrila, tinh tinh.

**C.** Đười ươi, Khỉ Pan, Gôrila. **D.** Vượn, đười ươi, khỉ.

**Câu 14.** Phương thức hình thành loài mới theo con đường địa lí thường gặp nhất ở đối tượng là

**A.** Thực vật không phát tán. **B.** Động vật ít di động.

**C.** Động vật phát tán mạnh. **D.** Sinh vật nhân sơ.

**Câu 15.** Nhận định nào dưới đây **không** đúng?

**A.** Những cá thể thuộc các quần thể cùng loài khác nhau khi sống trong những sinh cảnh khác nhau thường không thể giao phối với nhau dẫn đến cách li sinh sản. Đây là đặc điểm của cơ chế cách li sinh thái.

**B.** Ở các loài sinh sản vô tính và đơn tính, việc phân biệt 2 loài thân thuộc là không dễ dàng.

**C.** Quá trình hình thành loài thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.

**D.** Trong quá trình hình thành loài mới, điều kiện sinh thái có vai trò thúc đẩy sự phân hóa kiểu gen của quần thể gốc.

**Câu 16.** Khi nói về sự phát sinh loài người, điều nào sau đây **không** đúng?

**A.** Vượn người ngày nay là tổ tiên của loài người.

**B.** Chọn lọc tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn tiến hóa từ vượn người thành người.

**C.** Loài người xuất hiện vào đầu kỉ đệ tứ ở đại tân sinh.

**D.** Có sự tiến hóa văn hóa trong xã hội loài người.

**Câu 17.** Trường hợp nào sau đây **không** phải là hóa thạch?

**A.** Than đá có vết lá dương xỉ. **B.** Dấu chân khủng long trên than bùn.

**C.** Mũi tên đồng, trống đồng Đông sơn. **D.** Xác côn trùng trong hổ phách hàng nghìn năm.

**Câu 18.** Phát hiện quan trọng của Đacuyn về các sinh vật cùng loài trong tự nhiên là:

**A.** Các cá thể cùng loài không hoàn toàn khác nhau .

**B.** Một số cá thể có khả năng di truyền các biến dị do học tập mà có.

**C.** Các biến dị xuất hiện trong sinh sản thì di truyền được

**D.** Các cá thể cùng bố mẹ có những đặc điểm khác bố mẹ.

**Câu 19.** Giá trị thích nghi của một đột biến có thể thay đổi tùy thuộc vào

**A.** Môi trường và tổ hợp gen chứa đột biến đó. **B.** Tác nhân gây ra đột biến đó.

**C.** Tổ hợp gen chứa đột biến đó. **D.** Môi trường.

**Câu 20.** Theo Đacuyn, nguyên nhân làm cho sinh giới ngày càng đa dạng, phong phú là:

**A.** các biến dị cá thể và các biến đổi đồng loạt trên cơ thể sinh vật đều di truyền được cho các thế hệ sau.

**B.** điều kiện ngoại cảnh không ngừng biến đổi nên sự xuất hiện các biến dị ở sinh vật ngày càng nhiều.

**C.** sự tác động của chọn lọc tự nhiên lên cơ thể sinh vật ngày càng ít.

**D.** Tác động của chọn lọc tự nhiên thông qua hai đặc tính là biến dị và di truyền.

**Câu 21.** Dựa vào những biến đổi về địa chất, khí hậu, sinh vật, người ta chia lịch sử Trái Đất thành các đại theo thời gian từ trước đến nay là

**A.** Đại Thái cổ, đại Nguyên sinh, đại Cổ sinh, đại Trung sinh, đại Tân sinh.

**B.** Đại Cổ sinh, đại Nguyên sinh, đại Thái cổ, đại Trung sinh, đại Tân sinh.

**C.** Đại Thái cổ, đại Nguyên sinh, đại Trung sinh, đại Cổ sinh, đại Tân sinh

**D.** Đại Thái cổ, đại Cổ sinh, đại Trung sinh, đại Nguyên sinh, đại Tân sinh.

**Câu 22.** Theo Đacuyn ,quá trình CLTN có vai trò:

**A.** Tạo sự biến đổi của cơ thể sinh vật thích ứng với những đặc điểm của ngoại cảnh.

**B.** Là nhân tố chính hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật.

**C.** Tích luỹ các biến dị có lợi, đào thải các biến dị có hại đối với sinh vật.

**D.** Hình thành tập quán hoạt động ở động vật.

**Câu 23.** Giao phối ngẫu nhiên **không** được xem là nhân tố tiến hóa vì

**A.** Giúp phát tán đột biến trong quần thể.

**B.** Tạo ra biến dị tổ hợp cung cấp nguồn nguyên liệu thứ cấp cho tiến hóa.

**C.** Không làm thay đổi tần số tương đối alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

**D.** Làm trung hòa tính có hại của đột biến, giúp các alen lặn có hại được tồn tại trong quần thể.

**Câu 24.** Các nhân tố chủ yếu chi phối quá trình hình thành các đặc điểm thích nghi ở cơ thể sinh vật trong thuyết tiến hóa nhỏ là:

**A.** Đột biến, giao phối và các cơ chế cách li.

**B.** Quá trình giao phối, đột biến và biến động di truyền.

**C.** Đột biến, giao phối và chọn lọc tự nhiên.

**D.** Đột biến, biến động di truyền và chọn lọc tự nhiên.

**Câu 25.** Chọn lọc tự nhiên là quá trình:

**A.** Đào thải những biến dị bất lợi cho sinh vật.

**B.** Tích lũy những biến dị có lợi cho con người và cho sinh vật.

**C.** Vừa đào thải những biến dị bất lợi vừa tích lũy những biến dị có lợi cho sinh vật.

**D.** Tích lũy những biến dị có lợi cho sinh vật.

**Câu 26.** Theo Đacuyn, nguồn nguyên liệu của chọn giống và tiến hóa là

**A.** Những biến đổi do tập quán hoạt động.

**B.** Biến dị di truyền.

**C.** Những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác dụng trực tiếp của điều kiện sống.

**D.** Các biến dị cá thể phát sinh trong quá trình sinh sản theo những hướng không xác định.

**Câu 27.** Có bao nhiêu trường hợp sau đây là cách li sau hợp tử?

(1) Một loài ếch giao phối vào tháng tư, một loài khác giao phối vào tháng năm.

(2) Hai con ruồi quả thuộc hai loài khác nhau giao phối sinh ra con bất thụ.

(3) Tinh trùng của giun biển chỉ xâm nhập vào trứng của các cá thể cái cùng loài.

(4) Hai loài chim trĩ có tập tính ve vãn bạn tình khác nhau.

**A.** 3. **B.** 4. **C.** 2. **D.** 1.

**Câu 28.** Trường hợp nào dưới đây là cơ quan tương đồng?

**A.** Vòi voi và vòi bạch tuộc. **B.** Ngà voi và sừng tê giác.

**C.** Cánh dơi và tay người. **D.** Đuôi cá mập và đuôi cá voi.

**Câu 29.** Cặp cơ quan nào sau đây là bằng chứng chứng tỏ sinh vật tiến hóa theo hướng đồng quy tính trạng?

**A.** Cánh chim và cánh bướm.

**B.** Chân trước của mèo và cánh dơi.

**C.** Tuyến nọc độc của rắn và tuyến nước bọt của người.

**D.** Ruột thừa ở người và ruột tịt ở động vật.

**Câu 30.** Cơ sở di truyền của quá trình hình thành loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hóa là:

**A.** Tế bào của cơ thể lai khác loài chứa bộ NST của 2 loài bố, mẹ.

**B.** Nhờ lai xa đã tạo ra cơ thể lai có sự tổ hợp bộ NST đơn bội của cả 2 loài nhưng bất thụ. Sự đa bội hóa giúp quá trình giảm phân của cơ thể lai xa diễn ra bình thường và cơ thể lai xa có khả năng sinh sản hữu tính.

**C.** Hai bộ NST đơn bội khác loài trong cùng 1 tế bào nên gây khó khăn cho sự tiếp hợp và trao đổi chéo giữa các cặp NST, do vậy làm cản trở quá trình phát sinh giao tử.

**D.** Cơ thể lai xa thực hiện việc duy trì và phát triển nòi giống bằng hình thức sinh sản sinh dưỡng.

**Câu 31.** Vai trò của điều kiện địa lí trong quá trình hình thành loài mới là:

**A.** Nhân tố tác động trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

**B.** Nhân tố chọn lọc những kiểu gen thích nghi theo những hướng khác nhau.

**C.** Nhân tố tạo ra những kiểu hình thích nghi với những điều kiện địa lí khác nhau.

**D.** Nhân tố tạo điều kiện cho sự cách li sinh sản và cách li di truyền.

**Câu 32.** Loại biến dị cá thể theo quan niệm của Đacuyn có những tính chất:

*(1) Xuất hiện ngẫu nhiên trong quá trình sinh sản và phát triển cá thể.*

*(2) Xuất hiện đồng loạt theo một hướng xác định.*

*(3) Xuất hiện riêng lẻ ở từng cá thể.*

*(4) Di truyền được qua sinh sản hữu tính.*

*(5) Không xác định được chiều hướng biến dị.*

**A.** (1), (3), (4), (5). **B.** (3), (4), (5). **C.** (1), (3), (4). **D.** (2), (4), (5).

**Câu 33.** Trình tự các giai đoạn của tiến hoá:

**A.** Tiến hoá hoá học – tiến hoá sinh học- tiến hoá tiền sinh học.

**B.** Tiến hoá hoá học – tiến hoá tiền sinh học.

**C.** Tiến hoá hoá học – tiến hoá tiền sinh học- tiến hoá sinh học.

**D.** Tiến hoá tiền sinh học- tiến hoá hoá học – tiến hoá sinh học.

**Câu 34.** Khi nói về học thuyết tiến hóa của Đacuyn, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** CLTN là quá trình đào thải các sinh vật mang các biến dị không thích nghi và giữ lại các sinh vật mang các biến dị di truyền giúp chúng thích nghi.

**B.** Để giải thích về nguồn gốc các loài, theo Đacuyn nhân tố tiến hóa quan trọng nhất là biến dị cá thể.

**C.** Hạn chế của học thuyết tiến hóa Đacuyn là chưa làm rõ được nguyên nhân phát sinh và cơ chế di truyền của biến dị.

**D.** Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật là do CLTN tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.

**Câu 35.** Giao phối không ngẫu nhiên thường làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng:

**A.** Giảm kiểu gen dị hợp tử, tăng kiểu gen đồng hợp tử.

**B.** Làm giảm tính đa hình quần thể.

**C.** Thay đổi tần số alen của quần thể.

**D.** Tăng kiểu gen dị hợp tử, giảm kiểu gen đồng hợp tử.

**Câu 36.** Hình thành loài bằng phương thức nào xảy ra nhanh nhất?

**A.** Cách li địa lí. **B.** Cách li sinh thái. **C.** Cách li tập tính. **D.** Lai xa và đa bội hoá.

**Câu 37.** Khi nói về con đường hình thành loài bằng lai xa kèm đa bội hóa, có bao nhiêu nhận định đúng trong các nhận định dưới đây?

(1) Hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hóa xảy ra chủ yếu ở các loài thực vật.

(2) Diễn ra 1 cách tương đối nhanh chóng và qua nhiều bước trung gian chuyển tiếp.

(3) Góp phần hình thành loài mới trong cùng khi vực địa lí vì sự sai khác và NST nhanh chóng dẫn đến sự cách li sinh sản.

(4) Con lai xa sau khi đa bội hóa được gọi là thể tứ bội hữu thụ.

**A.** 4. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

**Câu 38.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, trong các phát biểu sau về quá trình hình thành loài mới, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.

(2) Đột biến đảo đoạn có thể góp phần tạo nên loài mới.

(3) Lai xa và đa bội hóa có thể tạo ra loài mới có bộ nhiễm sắc thể song nhị bội.

(4) Quá trình hình thành loài có thể chịu sự tác động của các yếu tố ngẫu nhiên.

**A.** 1. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

**Câu 39.** Ví dụ nào sau đây là các cơ quan tương tự?

**A.** Lá đậu hà lan và gai xương rồng.

**B.** Cánh chim và cánh côn trùng.

**C.** Tuyến nọc độc của rắn và tuyến nước bọt của các loài động vật khác.

**D.** Tua cuốn dây bầu, bí và gai xương rồng.

**Câu 40.** Hình thành loài mới bằng cách li sinh thái thường gặp ở những đối tượng

**A.** Thực vật phát tán mạnh và động vật di chuyển xa.

**B.** Thực vật và động vật ít có khả năng di chuyển.

**C.** Thực vật có mạch dẫn và động vật thủy sinh.

**D.** Thực vật phát tán yếu và động vật có khả năng di chuyển xa.

----------- HẾT ----------

(*Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm; Thí sinh không được sử dụng tài liệu*)